

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HPCem

Add: 275 Lạch Tray – Gia Viên – Hải Phòng;
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 424/2026/BBQT

BIÊN BẢN
Quan trắc môi trường

Hôm nay, vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 5 năm 2026

Tại: Công ty cổ phần Habeco Hải Phòng

Địa điểm lấy mẫu: Thôn Xuân Áng, xã An Lão, thành phố Hải Phòng

Loại hình sản xuất

Sản phẩm chính (sản lượng/tháng):

Trung tâm Quan trắc môi trường tiến hành quan trắc môi trường phục vụ:

Trả kết quả Quan trắc môi trường theo yêu cầu của Công ty cổ phần Habeco Hải Phòng

Theo những nội dung sau:

1. Quan trắc và lấy mẫu nước thải tại vị trí sau:

- Tại vị trí xả nước thải từ hồ ga xả thải cuối cùng của Nhà máy vào kênh sau cống Đền Cự trước khi xả ra sông Lạch Tray. Tọa độ: 2303369X; 587634Y (NT1).

Điều kiện thời tiết/khí tượng: Đời nắng

Hướng gió *Hồng Nam* tốc độ gió *1,8* m/s,

Nhiệt độ $36,0$ $^{\circ}\text{C}$, độ ẩm tương đối 56%, áp suất $101,2$kPa.

Tình trạng hoạt động (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cơ sở đang hoạt động khác):

Trong thời gian tiến hành quan trắc và lấy mẫu Công ty cổ phần Habeco Hải Phòng vẫn đang hoạt động.

Việc quan trắc kết thúc vào hồi: 14 giờ 15 phút, ngày 27 tháng 5 năm 2026..... Có sự chứng kiến của:

1. Đại diện Trung tâm Quan trắc môi trường

Ông Phạm Trung Nguyên

2. Đại diện Công ty cổ phần Habeco Hải Phòng

Bà Trần Thị Thanh Xuân

Biên bản được lập xong vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 27 tháng 5 năm 2026....., các bên tham dự nhất trí thông qua./.

Đại diện nhân dân
(nếu cần)

Đại diện Cơ sở

Trần Thị Thanh Xuân

Đại diện cơ quan
quản lý (nếu cần)

Trung tâm QTMT

Phạm Trung Nguyên

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**



HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HPCEM

Add: 275 Lạch Tray – Gia Viên – Hải Phòng;
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Các thông số quan trắc hiện trường và phân tích môi trường do Trung tâm Quan trắc môi trường thực hiện theo GCN số 20/GCN-BTNMT ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (VIMCERT 008) hoặc những nhà thầu phụ thực hiện đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo các Quyết định được phê duyệt.

Danh sách các nhà thầu phụ:

1. Trung tâm Quan trắc môi trường Miền Bắc trực thuộc Cục kiểm soát ô nhiễm Môi trường (VIMCERT 027).
2. Viện Công nghệ môi trường thuộc Viện Hàn lâm và Khoa học Công nghệ Việt Nam (VIMCERT 079).
3. Trung tâm Tư vấn và Truyền thông môi trường (VIMCERT 208).
4. Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích môi trường (VIMCERT 006).
5. Trung tâm Phân tích và Môi trường (VIMCERT 012).
6. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (VIMCERT 093).
7. Công ty TNHH Môi trường Khoa học và Công nghệ Giang Sơn (VIMCERT 240).

...



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING – HPCEM
Add1: 275 Lạch Tray – Gia Viên - Hải Phòng; Tel/Fax (84-225)3733.493
Add2: 159 Ngô Quyền – Lê Thanh Nghi - Hải Phòng; Tel/(84-220)3898.195

Số: 1736/2026/KQQT (860/008)

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MẪU NƯỚC
RESULT OF WATER MONITORING

Tên khách hàng/

Name of clients : Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng.

Ngày quan trắc/

Date of monitoring : 27/5/2026

Địa điểm lấy mẫu/

Place of sample : Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng – Thôn Xuân Áng, Xã An Lão, thành phố Hải Phòng.

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/RESULTS	Giá trị giới hạn cho phép ⁽¹⁾
				NT1	
1	^(a) pH	TCVN 6492:2011	-	7,88	6 - 9
2	^(a) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	QT-HT.02 ^(#)	mg/l	491,0	600

Ghi chú:

- NT1: Tại vị trí xả nước thải từ hồ ga xả thải cuối cùng của Nhà máy vào kênh sau cống Đền Cự trước khi xả ra sông Lạch Tray. Tọa độ: 2303369X; 587634Y.

- ⁽¹⁾: Giá trị giới hạn cho phép theo Giấy phép môi trường số 953/GPMT-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/3/2025 (QCVN 40:2011/BTNMT cột A; $K_q=0,9$; $K_f=1,1$ và QCVN 14:2008/BTNMT cột A; $K=1,2$).

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

^(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008.

TM. NHÓM QUAN TRẮC

Hải Phòng, ngày 02 tháng 6 năm 2026.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Duy Dương

Đàm Văn Quỳnh

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 2112 /2026/KQTN (978/008)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

RESULT OF ANALYSIS

Tên mẫu/ : Nước thải. Ngày lấy mẫu/ : 27/5/2026
Name of sample Date of sampling
Tên khách hàng/ : Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng. Ngày phân tích/ : 27/5 – 11/6/2026
Name of clients Date of test
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng – Thôn Xuân Áng, Xã An Lão, thành phố
Place of sample Hải Phòng.

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ RESULTS	Quy chuẩn/ Standards ⁽¹⁾
				NT1	
				0527673	
1	^(a) BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	1,7	29,7
2	^(a) COD	SMEWW 5220C: 2023	mg/l	16,8	74,25
3	^(a) Tổng chất rắn lơ lửng	SMEWW 2540D:2023	mg/l	7,5	49,5
4	^(b) Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	KPH(1)	4,95
5	^(b) Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	KPH(1)	12
6	^(b) Sunfua (tính theo H ₂ S)	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023	mg/l	<0,040	0,198
7	^(a) Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	15,8	19,8
8	^(a) Tổng photpho (tính theo P)	SMEWW 4500P.B&E:2023	mg/l	3,6	3,96
9	^(a) Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	KPH(0,03)	4,95
10	^(a) Nitrat	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2023	mg/l	15,5	36
11	^(a) Phosphat	TCVN 6202:2008	mg/l	3,5	7,2
12	^(b) Tổng các chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1: 2009	mg/l	<0,08	6
13	^(a) Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100ml	230	3000

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING – HPCEM
Add1: 275 Lạch Tray – Gia Vien - Hai Phong; Tel/Fax (84-225)3733.493
Add2: 159 Ngo Quyen – Le Thanh Nghi - Hai Phong; Tel/(84-220)3898.195

Số: 2112 /2026/KQTN (978/008)

Ghi chú:

- NT1 (0527673): Mẫu nước thải tại vị trí xả nước thải từ hồ ga xả thải cuối cùng của Nhà máy vào kênh sau cống Đền Cừu trước khi xả ra sông Lạch Tray. Tọa độ: 2303369X; 587634Y.
- ⁽¹⁾: Quy chuẩn được áp theo giấy phép môi trường số 953/GPMT-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột A; $K_p = 0,9$; $K_r = 1,1$).
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (cột A; $K=1,2$).
- Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có kết quả dưới giới hạn báo cáo.
- Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện
- KPH(c): Không phát hiện, trong đó c là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS.
- ^(a): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008.
- ^(b): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017.

Hải Phòng, ngày 19 tháng 6 năm 2026.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hải Âu

Nguyễn Văn Tiếp



Đàm Văn Quỳnh

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING – HPCEM
Add1: 275 Lạch Tray – Gia Viên - Hải Phòng; Tel/Fax (84-225)3733.493
Add2: 159 Ngô Quyền – Lê Thanh Nghị - Hải Phòng; Tel/(84-220)3898.195

Số: 2113/2026/KQTN (979/008)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

Tên mẫu/ : Nước thải. Ngày lấy mẫu/ : 27/5/2026
Name of sample Date of sampling
Tên khách hàng/ : Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng. Ngày phân tích/ : 27/5 – 11/6/2026
Name of clients Date of test
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng – Thôn Xuân Áng, Xã An Lão, thành phố
Place of sample Hải Phòng.

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ RESULTS
				NT1
				0527673
1	^(b) Asen	SMEWW 3113B: 2023	mg/l	KPH(0,002)
2	^(b) Thủy ngân	SMEWW 3112B:2023	mg/l	KPH(0,0002)
3	^(b) Chì	SMEWW 3113B:2023	mg/l	<0,006
4	^(b) Cadimi	SMEWW 3113B:2023	mg/l	KPH(0,0002)

Ghi chú:

- NT1 (0527673): Mẫu nước thải tại vị trí xả nước thải từ hồ ga xả thải cuối cùng của Nhà máy vào kênh sau cống Đền Cự trước khi xả ra sông Lạch Tray. Tọa độ: 2303369X; 587634Y.
- Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có kết quả dưới giới hạn báo cáo.
- Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện.
- KPH(c): Không phát hiện, trong đó c là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS.
- ^(b): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017.

Hải Phòng, ngày 19 tháng 6 năm 2026.

PHÒNG PHÂN TÍCH

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiếp



Đàm Văn Quỳnh

(*) : Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**) : Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.

